

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3- 2018
V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Bích N, sinh năm 1995 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Kiều Thanh D, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp Bàu Teng, xã Q, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2018. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Bích N và anh Kiều Thanh D chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Minh vào năm 2012 theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống vợ chồng chị Ngọc, anh D thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, vợ chồng thường hay cãi nhau về chuyện tiền nong và mọi chuyện sinh hoạt trong gia đình anh D, chị N đều bất đồng quan điểm nhau. Khoảng 9 tháng gần đây sau khi cãi nhau thì chị N dẫn theo con chung tên Kiều Ngô Bảo Trân bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, anh D không sang tìm cũng không sang thăm con. Từ ngày đó chị N và anh D cũng không gặp nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải

quyết cho anh được ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Kiều Ngô Thanh M sinh ngày 22/4/2013 và Kiều Ngô Bảo T sinh ngày 26/10/2016. Hiện cháu M đang sống cùng anh D và cháu T đang sống cùng chị N. Về con chung chị N không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2018 bị đơn anh Kiều Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất với lời trình bày của chị N về việc vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã, huyện C, tỉnh Bình Phước. Về mâu thuẫn vợ chồng thì anh D cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng gần 1 năm nay anh D bị tai nạn phải đi bệnh viện điều trị thương tích thì vợ chị N bỏ mặc anh. Chị N không đến bệnh viện để lo lắng, chăm sóc cho anh D và cũng không đến thăm anh D. Khi anh D xuất viện về nhà thì mới biết chị N đã mang cháu Kiều Ngô Bảo T về nhà mẹ ruột sinh sống. Từ thời gian đó vợ chồng anh chị không liên lạc gì với nhau nữa. Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh D đồng ý ly hôn vì anh D cho rằng vợ chồng đã không còn tình cảm gì với nhau thì có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Hơn nữa anh chị cũng đã sống ly thân gần 1 năm nay nếu chị N muốn ly hôn thì anh đề cho chị N được toại nguyện theo ý của chị Ngọc

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh D cũng thống nhất với chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: anh D vắng mặt do có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến..

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy chị Ngô Thị Bích N và anh Kiều Thanh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hôn nhân giữa chị N, anh D không hòa hợp, tình cảm vợ chồng còn,

mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, lời khai bị đơn, chứng cứ có trong hồ sơ đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Ngô Thị Bích N được ly hôn với anh Kiều Thanh D

Về con chung: Vợ chồng chị Ngọc, anh D có 02 con chung tên Kiều Ngô Thanh M sinh ngày 22/4/2013 và Kiều Ngô Bảo T sinh ngày 26/10/2016. Do chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung nên không đề cập

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên cũng không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Ngô Thị Bích N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn anh Kiều Thanh D có nơi cư trú tại tổ 5, ấp Bàu Teng, xã Q, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Kiều Thanh D nhưng do anh D đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Bích N, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Bích N và anh Kiều Thanh D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị N cho rằng Quá trình chung sống vợ chị Ngọc, anh D thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, vợ chồng thường hay cãi nhau về chuyện tiền nong và mọi chuyện sinh hoạt trong gia đình anh D, chị N đều bất đồng quan điểm nhau. Khoảng 9 tháng gần đây sau khi cãi nhau thì chị N dẫn theo con chung tên Kiều Ngô Bảo T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, anh D không sang tìm cũng không sang thăm con. Từ ngày đó chị N và anh D cũng không gặp nhau, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh D cũng xác định gần 1 năm nay anh D bị tai nạn phải đi bệnh viện điều trị thương tích thì vợ chị N bỏ mặc không lo lắng, chăm sóc cho anh D và cũng không đến thăm anh D và cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân thời gian dài Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh D đồng ý. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Ngọc, cho chị N được ly hôn với anh D.

{2.2} Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

{2.3} Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Ngô Thị Bích N phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Ngô Thị Bích N được ly hôn với anh Kiều Thanh D

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Ngô Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009231 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Thành

Phạm Xuân Đỉnh

Ung Thị Ngọc Thanh